TÒA ÁN NHÂN DÂN **THÀNH PHỐ BẾN TRE** **TỈNH BẾN TRE**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Bản án số: 77/2024/HNGĐ-ST. Ngày: 29/8/2024 V/v "*Ly hôn giữa bà M với ông T*"	

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN TRE – TỈNH BẾN TRE

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Lương Thị Thùy Dương
Các Hội thẩm nhân dân:
1. Ông Hàn Nhựt Thái
2. Ông Lê Anh Giàu

- Thư ký phiên tòa: Ông Đặng Thái Khang – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre tham gia phiên tòa: Bà Trần Thị Ấm - Kiểm sát viên

Ngày 29 tháng 8 năm 2024, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 232/2024/TLST-HNGĐ ngày 06 tháng 6 năm 2024 về tranh chấp "Ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 74/2024/QĐXX-ST ngày 18 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: **Bà Nguyễn Thị M**, sinh năm: 1992;
Địa chỉ: Số B, ấp A, xã M, huyện T, tỉnh Bến Tre.
2. Bị đơn: **Ông Nguyễn Vũ T**, sinh năm: 1991;
Địa chỉ: Số A, ấp M, xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre
Bà M có Đơn yêu cầu giải quyết, xét xử vắng mặt. Ông T vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 04/5/2024, Đơn đề nghị giải quyết vắng mặt, nguyên đơn bà Nguyễn Thị M trình bày:

Bà và ông T kết hôn vào năm 2014, có đăng ký kết hôn tại ủy ban nhân dân xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre vào ngày 29/10/2015 do tự nguyện. Sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, ông T thường xuyên đe dọa, uy hiếp làm ảnh hưởng tinh thần của bà. Bà và ông T đã ly thân hơn 02 năm nay. Nay tình cảm giữa bà và ông T không còn nên bà xin ly hôn với ông T.

Về con chung: bà và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Quốc H, sinh ngày 22/9/2017. Con chung hiện đang sống chung với bà. Sau khi ly hôn, bà M yêu cầu được nuôi con chung và không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì lý do công việc bà không thể đến Tòa án để giải quyết việc ly hôn với ông T nên yêu cầu Tòa án giải quyết, xét xử vắng mặt bà.

Tòa án đã tống đạt hợp lệ Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập đương sự để triệu tập ông Nguyễn Vũ T tới Tòa án để lấy lời khai, tham gia phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải, tham gia phiên tòa xét xử nhưng ông Nguyễn Vũ T không đến, do đó Tòa án không thể lấy lời khai của ông T cũng như không tiến hành hòa giải giữa nguyên đơn và bị đơn được.

Tại phiên tòa, vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre có ý kiến: Quá trình tiến hành tố tụng Thẩm phán, Thư ký, Hội thẩm nhân dân thực hiện đúng quy định của pháp luật tố tụng dân sự. Các đương sự được bảo đảm quyền và nghĩa vụ của mình đúng luật định. Nguyên đơn đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tại các Điều 70, 71 Bộ luật tố tụng dân sự. Bị đơn không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật tại các Điều 70, 72 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về nội dung: đề nghị chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn: bà M được ly hôn với ông T

- Về con chung: bà M trực tiếp nuôi con chung tên Nguyễn Quốc H, sinh ngày 22/9/2017. Ghi nhận việc bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.
- Về tài sản, nợ chung: không có nên không xem xét giải quyết.
- Tuyên án phí theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M khởi kiện bị đơn ông Nguyễn Vũ T; quan hệ tranh chấp giữa bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Vũ T là tranh chấp về ly hôn; hiện nay, ông T đang cư trú tại xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre nên thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre theo quy định tại khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

Nguyên đơn bà Nguyễn Thị M có đơn đề nghị giải quyết vắng mặt. Bị đơn ông Nguyễn Vũ T đã được Tòa án tống đạt hợp lệ Quyết định đưa vụ án ra xét xử, Quyết định hoãn phiên tòa, Giấy triệu tập tham gia phiên tòa nhiều lần nhưng vẫn cố tình vắng mặt. Căn cứ vào Điều 227, Điều 228 Bộ luật Tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt đối với nguyên đơn bà Nguyễn Thị M và bị đơn ông Nguyễn Vũ T.

[2] Về nội dung:

[2.1] Về hôn nhân: Bà M và ông T tự nguyện kết hôn vào năm 2014 có đăng ký kết hôn và được ủy ban nhân dân xã M, thành phố B, tỉnh Bến Tre cấp Giấy chứng nhận kết hôn vào ngày 29/10/2015 nên hôn nhân của ông bà là hôn nhân hợp pháp, được pháp luật công nhận và bảo vệ. Theo bà M, sau khi kết hôn vợ chồng chung sống hạnh phúc. Đến đầu năm 2021 vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm trong cuộc sống, không tìm được tiếng nói chung, ông T thường xuyên đe dọa, uy hiếp làm ảnh hưởng tinh thần của bà. Bà và ông T đã ly thân hơn 02 năm nay. Nay tình cảm giữa bà và ông T không còn nên bà xin ly hôn

với ông T. Tòa án nhân dân thành phố Bến Tre đã mở phiên hòa giải nhiều lần để động viên, hàn gắn tình cảm vợ chồng của bà M và ông T nhưng ông T vẫn cố tình vắng mặt, không có thiện chí muốn hàn gắn tình cảm với bà M. Điều đó cho thấy tình trạng mâu thuẫn vợ chồng giữa ông bà đã đến mức trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên ly hôn là biện pháp tốt nhất cho cả hai. Do đó, căn cứ theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014, Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà M.

[2.2] Về con chung: bà M và ông T có 01 con chung tên Nguyễn Quốc H, sinh ngày 22/9/2017. Bà M có yêu cầu được nuôi con chung sau khi ly hôn. Xét thấy, cháu H hiện đang sống với bà M, có cuộc sống sinh hoạt ổn định. Do đó, để đảm bảo quyền và lợi ích của con chung, Hội đồng xét xử giao cháu H cho bà M trực tiếp nuôi dưỡng theo quy định tại khoản 2, 3 Điều 81 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014.

Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Ghi nhận việc bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

[2.3] Về tài sản chung: bà M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[2.4] Về nợ chung: bà M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

[3] Án phí Hôn nhân và gia đình sơ thẩm 300.000đồng bà M phải chịu theo quy định của Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

[4] Từ những phân tích trên, xét đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân thành phố Bến Tre là có căn cứ nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ: - Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 228, Điều 271, Điều 272, Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

- Các Điều 51, 56, 57, 58, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

- Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử:

1. Về hôn nhân: cho ly hôn giữa bà Nguyễn Thị M và ông Nguyễn Vũ T.

2. Về con chung: giao con chung là Nguyễn Quốc H, sinh ngày 22/9/2017 cho bà Nguyễn Thị M trực tiếp nuôi dưỡng. Ghi nhận việc bà M không yêu cầu ông T cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con được quyền thăm nom, chăm sóc và giáo dục con chung, không ai được quyền ngăn cản.

Vì quyền và lợi ích mọi mặt của con chung, khi cần thiết các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như mức cấp dưỡng nuôi con.

3. Về tài sản chung: bà M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

4. Về nợ chung: bà M khai không có nên Hội đồng xét xử không xem xét, giải quyết.

5. Về án phí: Bà M phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 *(Ba trăm nghìn)* đồng theo biên lai thu số 0002560 ngày 03 tháng 6 năm 2024 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Tre, tỉnh Bến Tre.

Nguyên đơn, bị đơn được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày tròn kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 của Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 của Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 của Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND TP Bến Tre.
- TAND tỉnh Bến Tre.
- Chi cục THADS TP Bến Tre.
- UBND xã M.
- Các đương sự.
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Lương Thị Thùy Dương